



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

**BẢN TIN THAN NGÀY**

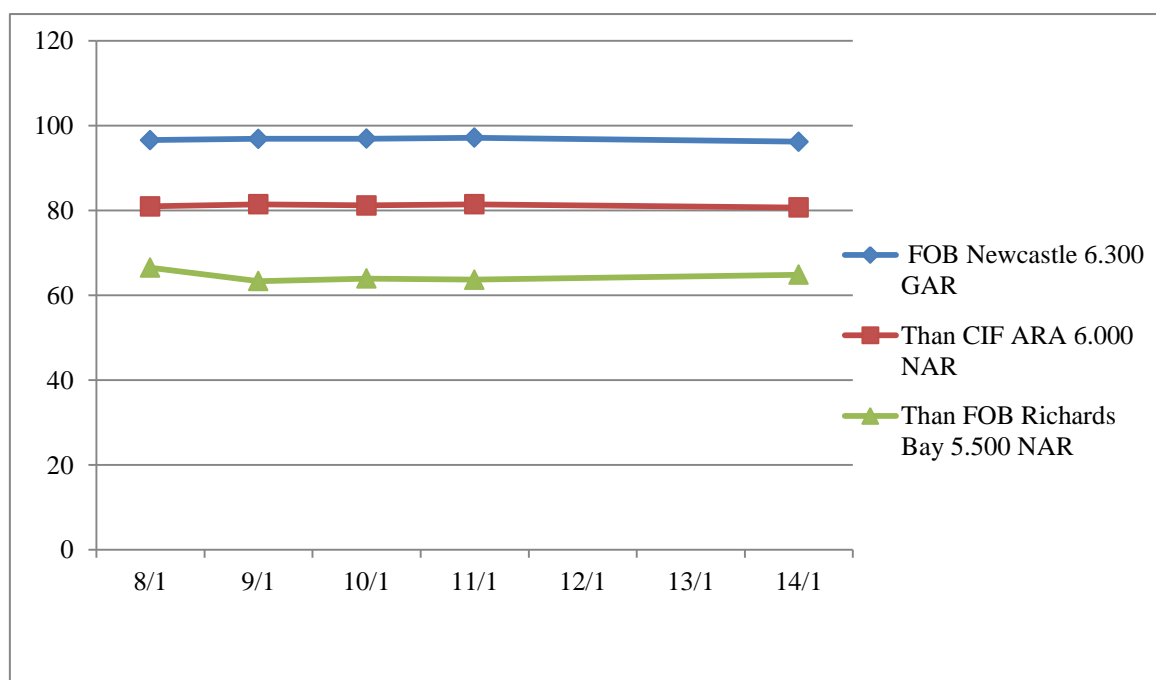
**Ngày 16/01/2019**

**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	96,20	+0,30	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	80,70	+0,50	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	64,85	+0,75	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	68,95	+0,20
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	49,00	+0,30

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	39,50	+0,20	266,04	+4,01
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	56,50	+0,20	380,54	+2,28
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	72,00	+1,20	484,93	+9,25

**GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/1/2019)

## **ĐIỂM TIN**

### **Khách hàng Ấn Độ trở lại mua than Nam Phi trong tháng 12**

Khối lượng than nhiệt Nam Phi xuất khẩu tới thị trường trọng điểm Ấn Độ đã phục hồi trong tháng 12, trong khi tháng 11 chứng kiến nhu cầu giảm ảnh hưởng đến giá và khiến hàng tồn than dư thừa phải vận chuyển sang các thị trường Châu Âu đang thừa cung. Điều này có lợi cho thị trường than Châu Âu, vốn đã thừa cung với các loại than Nam Phi dưới tiêu chuẩn cuối năm 2018, tạo thêm áp lực giảm giá và tâm lý của người bán. Một công ty thương mại cho biết: “Khách hàng Ấn Độ đã tăng cường nhập khẩu gần đây do giá than được giảm sâu”. Theo S&P Global Platts, giá than 5.500 kcal/kg NAR theo điều kiện FOB Richards Bay đã giảm từ 74,10 USD/tấn vào đầu tháng 9 xuống 56,55 USD/tấn ngày 23 tháng 11, mức thấp nhất trong nhiều năm. Xu hướng này đã khuyến khích nhu cầu mua than giao lẻ từ khách hàng Ấn Độ, những người nổi tiếng nhạy cảm với biến động giá. Ấn Độ chiếm 45% tổng lượng than xuất khẩu của Nam Phi trong năm 2017, theo dữ liệu hải quan, khi nhu cầu từ Ấn Độ giảm vào cuối năm 2018, rất nhiều công ty than đã phải tìm kiếm các thị trường thay thế, đặc biệt là Châu Âu, để bán than.

### **Nam Phi xuất khẩu 3,8 triệu tấn than cho Ấn Độ trong tháng 12**

Các nhà phân tích ước tính khoảng 3,8 triệu tấn than nhiệt đã được vận chuyển từ Nam Phi đến Ấn Độ trong tháng 12, trong khi dữ liệu từ cFlow của Platts cho thấy 30 tàu than có tổng trọng tải 3,36 triệu dwt đã cập cảng Ấn Độ, cộng thêm 59.872 dwt bổ sung từ các tàu chở than một phần. Con số này cao hơn 22 tàu với tổng trọng tải 2,51 triệu dwt đến Ấn Độ trong tháng 11, theo số liệu từ cFlow. Các nhà phân tích dự đoán mức nhập khẩu sẽ khó giữ ở mức cao đến tháng 1 vì các NMNĐ Ấn Độ hiện đã dự trữ đủ lượng than cần thiết, mặc dù có cơ sở để dự đoán nhu cầu sẽ tăng trở lại vào cuối tháng 1. Nguyên nhân một phần do Tết Nguyên đán, trong những năm trước sự vắng mặt của khách hàng Trung Quốc trên thị trường đã khiến giá điều kiện FOB than Indonesia và Nam Phi có xu hướng giảm, làm nảy sinh nhu cầu mua than giao lẻ từ Ấn Độ. Xuất khẩu than gia tăng tại Nam Phi đã được phản ánh qua các kho than tại cảng Richards Bay. Đến đầu tháng 12, mức dự trữ tại đây đạt 5,6 triệu tấn, sau đó đã giảm xuống còn 2,9 triệu tấn vào đầu tháng 1.

### **Nga tăng cường vận chuyển than và kim loại qua đường sắt để xuất khẩu trong năm 2018**

Công ty Đường sắt Nga mới đây cho biết tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt tới các cảng biển của nước này đã tăng 4,5% lên mức 306,5 triệu tấn trong năm 2018, trong đó chủ yếu là than và thép xuất khẩu, cùng với phân bón và hạt giống. Cụ thể than chiếm 46,6% (tương đương 143 triệu tấn), dầu chiếm 26,1%, thép chiếm 8,9%, phân bón chiếm 6,7%, 3,7% hạt giống, theo dữ liệu từ đơn vị quản lý đường sắt. Khối lượng than tăng 3,6% và kim loại tăng 8,9% so với năm 2017. Nga là nhà cung cấp than nhiệt, than nghiền sử dụng cho luyện thép, một số loại than cốc chính cho thị trường Châu Âu và Thái Bình Dương. Nga cũng xuất khẩu thép và quặng sắt, cũng như phế liệu sắt tới nhiều thị trường, bao gồm các nhà máy EAF và nghiền lại. Mức xuất khẩu tại khu vực cảng Tây Bắc Nga đạt 130,9 triệu tấn, và khu vực phía Đông đạt 99 triệu tấn, và 76,4 triệu tấn được xuất khẩu từ các khu vực cảng miền Nam.

(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	7,70	-0,15
	Queensland	Nhật Bản	8,60	-0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	9,45	-0,15
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,00	-0,30
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,00	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,20	-0,30
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,65	-0,10
	Australia	Trung Quốc	10,80	-0,10

Australia	Ấn Độ	12,10	-0,00
-----------	-------	-------	-------

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 14/1/2019)